

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2006/QĐ-BKHHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành “Quy định về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ
thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm
cấp nhà nước giai đoạn 2006 - 2010”****BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 67/2006/QĐ-TTg ngày 21/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 5 năm 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 18/2006/QĐ-BKHHCN ngày 15/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy chế tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2006 - 2010” và Quyết định số 23/2006/QĐ-BKHHCN ngày 23/11/2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2006 - 2010”;

Xét đề nghị của các Ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên và Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006 - 2010”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế cho Quyết định số 07/2003/QĐ-BKHCN ngày 03/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định về việc xác định các đề tài khoa học và công nghệ và các dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước” và Quyết định số 08/2003/QĐ-BKHCN ngày 03/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định về Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định các đề tài khoa học và công nghệ và các dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước”.

Điều 3. Các Ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Chủ nhiệm các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006 - 2010 và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Đình Tiến

**BỘ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2006 - 2010
(Kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHCN ngày 30/11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng cho việc tổ chức xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) thuộc các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2006 - 2010 (sau đây gọi là Chương trình) để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thông qua xét chọn (sau đây gọi là tuyển chọn, xét chọn) thực hiện trong kế hoạch của Chương trình.

Các nhiệm vụ thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội về lý luận chính trị, tư tưởng, xây dựng Đảng giai đoạn 2006 - 2010 do Hội đồng lý luận Trung ương chủ trì xác định; các nhiệm vụ liên quan đến bí mật nhà nước không thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy định này.

2. Trong quy định này, các nhiệm vụ KH&CN bao gồm:

a) Đề tài nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn (sau đây gọi chung là Đề tài) là vấn đề khoa học, công nghệ cần được nghiên cứu để nắm được bản chất, nguyên lý, tìm ra giải pháp, tạo ra công nghệ nhằm phục vụ cho mục tiêu cụ thể của kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Đề tài đưa ra tuyển chọn, xét chọn được xác định tên, định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm.

b) Dự án sản xuất thử nghiệm (Dự án SXTN) là vấn đề công nghệ cần tiếp tục hoàn thiện, thích nghi để tạo ra sản phẩm cụ thể đáp ứng nhu cầu thị trường và có

hiệu quả cao về kinh tế - xã hội. Dự án SXTN đưa ra xét chọn được xác định tên, mục tiêu và yêu cầu về các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với sản phẩm.

Điều 2. Căn cứ để xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Quyết định 67/2006/QĐ-TTg ngày 21/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 5 năm 2006 - 2010.

2. Mục tiêu, nội dung chủ yếu, kết quả dự kiến và Thuyết minh Tổng quát của Chương trình đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

3. Yêu cầu đột xuất của lãnh đạo Đảng và Nhà nước đối với ngành khoa học và công nghệ để giải quyết những vấn đề cấp bách của đất nước (nếu có).

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN

1. Số lượng các nhiệm vụ có kết quả được ứng dụng và phục vụ trực tiếp cho quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội phải bảo đảm tỷ lệ phù hợp với đặc thù của từng Chương trình đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

2. Yêu cầu đối với Đề tài

a) Giá trị thực tiễn:

- Trực tiếp hoặc góp phần giải quyết vấn đề cấp thiết của kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng mà khả năng của một ngành, một tỉnh, thành phố không tự giải quyết được;

- Tạo chuyển biến cơ bản về năng suất, chất lượng, hiệu quả, tác động lớn đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật, vùng kinh tế trọng điểm;

- Tạo tiền đề cho việc hình thành ngành nghề mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững.

b) Giá trị khoa học, công nghệ:

- Giải quyết được những vấn đề khoa học, công nghệ mới ở mức đạt hoặc tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực hoặc quốc tế;

- Góp phần nâng cao năng lực KH&CN của đất nước (đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao, hình thành tập thể khoa học công nghệ mạnh).

c) Tính khả thi:

- Các tổ chức KH&CN trong nước có đủ năng lực để giải quyết được trong khoảng thời gian không quá 3 năm, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ KH&CN quyết định;

- Có khả năng huy động sự tham gia của các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, các nhà khoa học - công nghệ trong nước và từ nước ngoài.

3. Yêu cầu đối với dự án SXTN

a) Yêu cầu về công nghệ:

- Có tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ đang có ở Việt Nam, có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài;

- Có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được áp dụng rộng rãi.

b) Tính khả thi và hiệu quả kinh tế - xã hội:

- Có thị trường tiêu thụ sản phẩm (thuyết minh rõ về khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm của dự án);

- Có khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án;

- Sản phẩm của dự án có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (tạo ngành nghề mới, tăng thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng).

c) Công nghệ được sử dụng đảm bảo tính hợp pháp và có xuất xứ từ một trong các nguồn sau:

- Kết quả của các đề tài đã được Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị áp dụng;

- Sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng KH&CN;

- Kết quả KH&CN từ nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định công nhận.

Điều 4. Trình tự xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Việc xác định nhiệm vụ KH&CN được thực hiện qua các bước:

a) Ban chủ nhiệm Chương trình tổ chức xây dựng Danh mục sơ bộ các nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi là Danh mục sơ bộ) theo Điều 5 Quy định này.

b) Các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở Danh mục sơ bộ và theo các điều 6, 7 và 8 của Quy định này.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Danh mục nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình để tiến hành tuyển chọn, xét chọn trên cơ sở kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN và ý kiến của các cơ quan liên quan.

2. Việc xác định nhiệm vụ được bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 của hai năm trước năm kế hoạch và hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 của năm trước liền kề năm kế hoạch.

CHƯƠNG II. TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Xây dựng Danh mục sơ bộ các nhiệm vụ KH&CN

1. Danh mục sơ bộ bao gồm các đề tài, dự án SXTN theo chuyên ngành khoa học, được xác định theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Quy định này.

2. Ban chủ nhiệm Chương trình tổ chức xây dựng Danh mục sơ bộ các nhiệm vụ KH&CN:

a) Thông qua Văn phòng các chương trình hoặc làm việc trực tiếp (trong trường hợp cần thiết) để đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 90, 91, doanh nghiệp có liên quan xác định danh mục tổng hợp các vấn đề KH&CN cần thực hiện (Phụ lục III: Biểu A3-THDX) đối với Chương trình, bao gồm:

- Đề xuất về các nhu cầu cần nghiên cứu (Phụ lục I: Biểu A1-PĐXNC) đối với các vấn đề còn chưa rõ về loại hình nhiệm vụ KH&CN cụ thể (đề tài, dự án SXTN);

- Đề xuất về các đề tài (Phụ lục II: Biểu A2-PĐXDT);

- Đề xuất về các dự án SXTN (Phụ lục IIA: Biểu A2a-ĐXDA).

b) Tổ chức lấy ý kiến đề xuất nhiệm vụ từ một số viện nghiên cứu, trường đại học hoặc các chuyên gia đầu ngành trong trường hợp cần thiết.

c) Lựa chọn kết quả nghiên cứu từ các nhiệm vụ KH&CN các chương trình KH&CN cấp nhà nước đã được đánh giá có tính khả thi cho việc triển khai thực hiện tiếp theo;

d) Trên cơ sở kết quả tổng hợp nhu cầu của quản lý, sản xuất và đời sống, kết quả nghiên cứu đã xác định, đề xuất nhiệm vụ từ cơ sở quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản này và đối chiếu với căn cứ, yêu cầu quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Quy định này, tổ chức các nhóm chuyên gia bao gồm các nhà khoa học đầu ngành, các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách, đại diện doanh nghiệp để hình thành các nhiệm vụ KH&CN (Phụ lục II: Biểu A2-PĐXĐT cho các đề tài và Phụ lục III: Biểu A3-PĐXDA cho các dự án sản xuất thử nghiệm);

đ) Xử lý, tổng hợp các kết quả làm việc của các nhóm chuyên gia để xây dựng thành Danh mục sơ bộ (Phụ lục IV: Biểu A4-DMSB).

3. Việc xây dựng Danh mục sơ bộ phải được hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 của 2 năm trước năm kế hoạch.

Điều 6. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi là Hội đồng) được thành lập theo chuyên ngành khoa học của Chương trình để tư vấn cho Ban chủ nhiệm Chương trình trong việc xác định các nhiệm vụ KH&CN đưa ra tuyển chọn, xét chọn.

2. Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Ban chủ nhiệm Chương trình.

3. Thành viên của Hội đồng là các chuyên gia có uy tín, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học được giao tư vấn, và các cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu của Chương trình.

4. Hội đồng có từ 9 đến 15 người, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên. Một thành viên của Ban chủ nhiệm Chương trình là thành viên đương nhiên của Hội đồng. Ngoài thành viên đương nhiên, cơ cấu Hội đồng gồm:

- 1/2 là các nhà nghiên cứu KH&CN thuộc chuyên ngành khoa học có liên quan, có thành tích nghiên cứu xuất sắc, có ít nhất 5 năm kinh nghiệm gần đây trong chuyên ngành khoa học được giao tư vấn;

- 1/2 là các nhà quản lý thuộc cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách, Bộ - ngành, Tổng công ty, tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu của Chương trình.

5. Việc thành lập các Hội đồng được hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của 2 năm trước năm kế hoạch.

Điều 7. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Hội đồng làm việc trên cơ sở các tài liệu do Ban chủ nhiệm chương trình cung cấp, được gửi đến các thành viên Hội đồng ít nhất 5 ngày trước phiên họp Hội đồng. Tài liệu gồm:

- Quyết định 67/2006/QĐ-TTg ngày 21/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 5 năm 2006 - 2010;

- Mục tiêu, nội dung chủ yếu, kết quả dự kiến và Thuyết minh Tổng quát của Chương trình đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

- Danh mục sơ bộ Quy định tại Điều 5 Quy định này;

- Bản Quy định này;

- Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

2. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo.

3. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các Phiên họp của Hội đồng, trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, tính chính xác đối với những ý kiến tư vấn độc lập và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

4. Các phiên họp Hội đồng do Văn phòng các Chương trình phối hợp với Ban chủ nhiệm chương trình chuẩn bị và tổ chức.

Điều 8. Trình tự, nội dung và kết quả làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng xác định nhiệm vụ thông qua 02 kỳ họp:

a) Kỳ họp thứ nhất: Xác định Danh mục nhiệm vụ KH&CN;

b) Kỳ họp thứ hai: Hoàn thiện Danh mục nhiệm vụ KH&CN theo mẫu quy định (Phụ lục IX: Biểu A9-DMTC).

2. Nội dung Kỳ họp thứ nhất:

a) Hội đồng thảo luận, phân tích từng nhiệm vụ trong Danh mục sơ bộ theo các yêu cầu và tiêu chí nêu tại Điều 3 Quy định này.

b) Thành viên Hội đồng đánh giá từng nhiệm vụ theo mẫu phiếu quy định (Phụ lục V: Biểu A5-PDG). Phiếu hợp lệ là phiếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đã hướng dẫn trên phiếu.

c) Hội đồng cử 01 thành viên làm thư ký khoa học có nhiệm vụ ghi chép các ý kiến thảo luận và lập Biên bản các phiên họp của Hội đồng. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu, gồm 03 thành viên, trong đó có 1 Trưởng ban. Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp theo Phụ lục VI: Biểu A6-BBKP.

d) Trên cơ sở kết quả làm việc của Ban kiểm phiếu Hội đồng xác định danh mục các nhiệm vụ KH&CN theo thứ tự ưu tiên. Nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đề nghị đưa vào Danh mục phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tại phiên họp bỏ phiếu "đề nghị thực hiện" và số thành viên này bảo đảm không ít hơn 1/2 tổng số thành viên Hội đồng. Thứ tự ưu tiên đối với các nhiệm vụ được sắp xếp dựa trên số lượng phiếu "đề nghị thực hiện". Trường hợp các nhiệm vụ có số phiếu đề nghị bằng nhau, Hội đồng thống nhất theo nguyên tắc biểu quyết trực tiếp để xếp thứ tự ưu tiên.

đ) Hội đồng phân công 02 thành viên am hiểu sâu chuyên môn làm phản biện cho từng nhiệm vụ trong Danh mục Quy định tại điểm d khoản này. Trong trường hợp cần thiết, hội đồng kiến nghị Ban chủ nhiệm chương trình mời các phản biện không phải là thành viên Hội đồng. Phản biện có trách nhiệm hoàn thiện từng nhiệm vụ theo mẫu quy định (Phụ lục VII: Biểu A7-PPB) để đưa ra thảo luận trong kỳ họp thứ 2, cụ thể:

- Đối với Đề tài: xác định chính xác tên, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với sản phẩm.

- Đối với Dự án SXTN: xác định chính xác tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm.

Hội đồng thống nhất thời gian và địa điểm của kỳ họp thứ 2.

3. Nội dung Kỳ họp thứ hai:

a) Các thành viên phản biện trình bày ý kiến về các nhiệm vụ được phân công theo Quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều này.

b) Hội đồng thảo luận, góp ý và biểu quyết thông qua kết luận của Hội đồng cho từng nhiệm vụ theo nguyên tắc quá bán.

c) Thư ký khoa học lập Biên bản làm việc của Hội đồng (Phụ lục VIII: Biểu A8-BBHD) kèm theo Danh mục nhiệm vụ KH&CN đã được Hội đồng thông qua (Phụ lục IX: Biểu A9-DMTC).

d) Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc xét chọn), phương án tổ chức thực hiện từng nhiệm vụ KH&CN nêu tại Điểm c Khoản này, kể cả việc mời chuyên gia quốc tế, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ.

4. Danh mục nhiệm vụ KH&CN phải được Hội đồng hoàn thành trước ngày 20/02 của năm trước năm kế hoạch.

Điều 9. Phê duyệt và công bố Danh mục nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình

1. Ban chủ nhiệm Chương trình tổng hợp và hoàn thiện Danh mục nhiệm vụ KH&CN do các Hội đồng đề xuất (theo Phụ lục X: Biểu A10-THDMTC) trình Bộ Khoa học và Công nghệ (trước ngày 28/02 của năm trước năm kế hoạch).

2. Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt theo trình tự sau:

a) Rà soát các nhiệm vụ KH&CN trong Danh mục để tránh sự trùng lặp với các nhiệm vụ KH&CN đã và đang triển khai thực hiện, các nhiệm vụ KH&CN của các Chương trình liên quan.

b) Tham khảo ý kiến các Bộ, ngành, Cơ quan có liên quan về các nhiệm vụ KH&CN trong Danh mục thuộc các Chương trình.

c) Thẩm định sự phù hợp của các nhiệm vụ với các căn cứ quy định tại Điều 2 và sự đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 3 Quy định này. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến các chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập Hội đồng khác để tư vấn.

d) Phê duyệt Danh mục các nhiệm vụ KH&CN để đưa ra tuyển chọn, xét chọn.

3. Ban chủ nhiệm Chương trình thông báo tuyển chọn, xét chọn theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện trong năm kế hoạch tiếp theo (trước 31/3 của năm trước năm kế hoạch).

CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy định

Phòng quản lý các Chương trình và các đơn vị có liên quan thực hiện Quy định này.

Điều 11. Vận dụng Quy định

Cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vận dụng Quy định này để xây dựng, trình cấp quản lý có thẩm quyền ban hành Quy định về xác định nhiệm vụ KH&CN và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện trong phạm vi quản lý của mình./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Đình Tiến

Phụ lục I

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHU CẦU

*(Kèm theo Quyết định số 24/2006 /QĐ-BKHCN ngày 30/11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Biểu A1-PĐXNC

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHU CẦU (*)

**THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC NĂM 200..
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**

1. Tên và nội dung vấn đề cần giải quyết (giải trình về vấn đề đang gặp khó khăn vướng mắc trong quản lý, sản xuất và đời sống):

2. Tính cấp thiết: việc giải quyết được vấn đề trên có ý nghĩa đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật, vùng kinh tế trọng điểm, nhưng việc giải quyết vấn đề trên vượt quá khả năng của Cơ quan (Bộ - ngành, Tỉnh - Thành phố, tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, Doanh nghiệp)

3. Sự phù hợp của nhiệm vụ đề xuất với mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến của Chương trình:

4. Một số yêu cầu về giải pháp, sản phẩm KH&CN (nếu có):

5. Dự kiến kinh phí để giải quyết vấn đề trên (nếu có):

6. Thời gian thực hiện (không quá 3 năm - trừ trường hợp đặc biệt):

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

(*) Phiếu này trình bày không quá 02 trang giấy khổ A4.

Phụ lục II

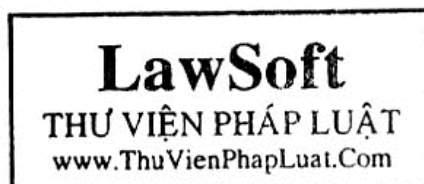
PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ

*(Kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHCN ngày 30/11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Biểu A2-PĐXĐT

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI KH&CN NĂM 200....
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH (*)**

1. Tên Đề tài:



2. Thuộc chương trình:

3. Lý do đề xuất Đề tài (*nêu rõ vấn đề thực tiễn cần giải quyết và sự phù hợp của vấn đề cần giải quyết với mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến của Chương trình*)

4. Giải trình về tính cấp thiết (*quan trọng, bức xúc, cấp bách,...*)

5. Định hướng mục tiêu:

6. Yêu cầu về sản phẩm:

7. Khả năng và địa chỉ áp dụng:

8. Thông tin khác (nếu có):

Tổ chức/cá nhân (Chuyên gia) đề xuất
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

(*) Phiếu này trình bày không quá 03 trang giấy khổ A4.

Phụ lục IIA

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ

*(Kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHCN ngày 30/11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Biểu A2a-PĐXDA

**PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN SXTN NĂM 200....
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH (*)**

1. Tên Dự án SXTN:

2. Thuộc chương trình:

3. Lý do đề xuất Dự án *(vấn đề thực tiễn cần giải quyết và sự phù hợp của vấn đề cần giải quyết với mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến của Chương trình)*

4. Xuất xứ của Dự án

Nguồn hình thành (để lại nguồn phù hợp)

- Kết quả của các đề tài đã được Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị áp dụng;
- Sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng KH&CN;
- Kết quả KH&CN từ nước ngoài đã được các tổ chức có thẩm quyền thẩm định công nhận.

5. Giải trình về tính cấp thiết *(quan trọng, bức xúc, cấp bách,...)*

6. Mục tiêu:

7. Yêu cầu về sản phẩm *(các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật):*

8. Khả năng huy động các nguồn lực *(khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*

9. Nhu cầu thị trường *(thuyết minh rõ về khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm của dự án)*

10. Thông tin khác (nếu có) :

Tổ chức/cá nhân (Chuyên gia) đề xuất
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

(*) Phiếu này trình bày không quá 03 trang giấy khổ A4.

Phụ lục III

(Kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHCN ngày 30/11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu A3-THDX

Bộ..... (ghi rõ tên Bộ, Ngành, Tổng Công ty 91,
UBND tỉnh, thành phố)

**DANH MỤC TỔNG HỢP
CÁC VẤN ĐỀ KH&CN ĐỀ XUẤT CẦN THỰC HIỆN NĂM....**

TT	Tên vấn đề (đối với nhu cầu)/đề tài, dự án	Tên Tổ chức hoặc cá nhân (chuyên gia) đề xuất	Tính cấp thiết/ Mục tiêu, sản phẩm chủ yếu (nếu là đề tài, dự án)	Ghi chú (vấn đề, nhiệm vụ dự kiến thuộc Chương trình nào)
I. Nhu cầu				
1				
2				
3				
...				
II. Nhiệm vụ khoa học công nghệ				
II.a. Đề tài				
1				
2				
3				
...				

II.b. Dự án sản xuất thử nghiệm				
1				
2				
3				
...				

Thủ trưởng (Bộ, Ngành, Tổng Công ty 91, UBND tỉnh, thành phố)

(Họ, tên, chữ ký và dấu)

Phụ lục IV

DANH MỤC SƠ BỘ CÁC NHIỆM VỤ KH &CN

(Kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BKH&CN ngày 30/11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu A4-DMSB

**DANH MỤC SƠ BỘ NHIỆM VỤ KH&CN NĂM 200....
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH.....**

Chuyên ngành khoa học:

.....

1. Danh mục Đề tài

<i>TT</i>	<i>Tên Đề tài</i>	<i>Tính cấp thiết</i>	<i>Định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1				
2				
3				

09691446

2. Danh mục Dự án SXTN

<i>TT</i>	<i>Tên Dự án SXTN</i>	<i>Tính cấp thiết</i>	<i>Mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm (chỉ tiêu KT-KT)</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1				
2				
3				

Chủ nhiệm Chương trình
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục V

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ ĐỀ XUẤT

(Kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHHCN ngày 30 /11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu A5-PĐG

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ KH&CN
ĐỀ XUẤT, NĂM 200....**

1. Tên Chương trình:

.....

Mã số:

.....



2. Hội đồng chuyên ngành:

.....

Quyết định thành lập Hội đồng:

.../QĐ-BKHHCN ngày .../.../200... của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

3. Họ tên thành viên Hội đồng:

.....

4. Đánh giá của thành viên Hội đồng (*):

TT	Tên nhiệm vụ	Đề nghị thực hiện	Đề nghị không thực hiện
I	Đề tài		
1			
2			
3			

09691446

TT	Tên nhiệm vụ	Đề nghị thực hiện	Đề nghị không thực hiện
II	<i>Dự án sản xuất thử nghiệm</i>		
1			
2			
3			

(*): Đánh dấu vào cột tương ứng

Thành viên Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục VI

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU NHIỆM VỤ ĐỀ XUẤT
(Kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHCN ngày 30/11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu A6-BBKP

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng..... năm 200.....

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN NĂM 200...
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**

Tên Chương trình:

.....

Mã số:

Hội đồng chuyên ngành:

Quyết định thành lập Hội đồng:/QĐ-BKHCN ngày/...../200.... của Bộ trưởng Bộ KH&CN

- | | |
|----------------------|----------------------|
| 1. Số phiếu phát ra: | 2. Số phiếu thu về: |
| 3. Số phiếu hợp lệ: | 4. Kết quả bỏ phiếu: |

Phụ lục VII

PHIẾU GÓP Ý CỦA CHUYÊN GIA PHẢN BIỆN

(Kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHHCN ngày 30/11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu A7-PPB

**PHIẾU GÓP Ý CỦA CHUYÊN GIA PHẢN BIỆN CHO
CÁC NHIỆM VỤ KH&CN THỰC HIỆN
TRONG NĂM 200....**

1. Tên Chương trình:

Mã số:

2. Lĩnh vực:

a) Danh mục Đề tài:

<i>TT</i>	<i>Tên Đề tài</i>	<i>Định hướng mục tiêu</i>	<i>Yêu cầu đối với sản phẩm</i>	<i>Phương thức, phương án tổ chức thực hiện</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1				
2				
3				

b) Danh mục Dự án SXTN:

<i>TT</i>	<i>Tên Dự án SXTN</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Sản phẩm dự kiến, các chỉ tiêu KT-KT cần đạt</i>	<i>Phương thức, phương án tổ chức thực hiện</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1				
2				

Chuyên gia phản biện
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục VIII

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHCN ngày 30/11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu A8-BBHD

**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ
KH&CN THUỘC CHƯƠNG
TRÌNH CẤP NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 200...

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ
KH&CN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CẤP NHÀ NƯỚC
NĂM 200...**

A. Những thông tin chung

1. Tên Chương trình:

.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành...

...../QĐ-BKHCN ngày .../.../200.. của Bộ trưởng Bộ KH&CN

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

a) Kỳ họp thứ nhất:

....., ngày... /.../200..

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:/.....

- Vắng mặt: người, gồm các thành viên:

- Khách mời tham dự họp Hội đồng

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Đơn vị công tác</i>
1.		
2.		
3.		
4.		

b) *Kỳ họp thứ hai:*

....., ngày.../.../200..

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:/.....

- Vắng mặt: người, gồm các thành viên:

- Khách mời tham dự họp Hội đồng

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Đơn vị công tác</i>
5.		
6.		
7.		
8.		

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

I. Kỳ họp thứ nhất

Ngày/.../200....., Hội đồng đã họp Kỳ thứ nhất để xác định Danh mục các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình.

1. Hội đồng thống nhất cử ông/bà..... là Thư ký khoa học.

2. Hội đồng tiến hành thảo luận và đánh giá về từng nhiệm vụ KH&CN trong Danh mục sơ bộ do Ban Chủ nhiệm Chương trình đề xuất. Hội đồng đã kiến nghị bổ sung, sửa đổi (*để lại những nội dung phù hợp*):

- Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN;

- Tên, định hướng mục tiêu và các yêu cầu đối với sản phẩm của từng Đề tài;

- Tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của các Dự án SXTN;

3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu:

Trưởng Ban:
Ủy viên 1:
Ủy viên 2:

4. Các thành viên Hội đồng đã đánh giá từng nhiệm vụ theo khung điểm 100 (Phụ lục V: Biểu A5-PĐG). Kết quả kiểm phiếu được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu (Phụ lục VI: Biểu A6-BBKP) kèm theo.

5. Trên cơ sở kết quả kiểm phiếu Hội đồng nhất trí danh sách các nhiệm vụ KH&CN đủ tiêu chuẩn để đưa ra hoàn thiện tại Kỳ họp thứ hai (những nhiệm vụ được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tại phiên họp đánh giá "đề nghị thực hiện" và số thành viên này không ít hơn 1/2 tổng số thành viên Hội đồng) theo thứ tự ưu tiên. Hội đồng đã phân công các thành viên làm phản biện cho từng nhiệm vụ.

Danh sách các Phản biện cho từng nhiệm vụ cụ thể như sau:

<i>TT</i>	<i>Tên nhiệm vụ</i>	<i>Họ và tên Phản biện</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1.		
2.		

6. Hội đồng thống nhất thời gian và địa điểm của kỳ họp thứ 2.

II. Kỳ họp thứ 2

Ngày ... /.../200..., Hội đồng đã tổ chức họp Kỳ thứ 2 đề thông qua Danh mục đã được hoàn thiện.

1. Hội đồng đã nghe các chuyên gia phản biện trình bày ý kiến bằng văn bản cho từng nhiệm vụ được phân công.
2. Hội đồng thảo luận, góp ý, bổ sung, hoàn thiện cho từng nhiệm vụ KH&CN.
3. Hội đồng biểu quyết theo nguyên tắc quá bán.
4. Kết quả làm việc của Hội đồng

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng và kết luận của Chủ tịch Hội đồng, Thư ký khoa học hoàn thiện Danh mục nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình; Hội đồng cũng đã thảo luận và đề xuất phương thức tuyển chọn hoặc xét chọn, phương án tổ chức thực hiện từng nhiệm vụ KH&CN tương ứng trong phụ lục kèm theo (Phụ lục IX: Biểu A9-DMTC).

Hội đồng đề nghị Ban chủ nhiệm Chương trình trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và phê duyệt.

Thư ký khoa học của Hội đồng
(*Họ, tên và chữ ký*)

Chủ tịch Hội đồng
(*Họ, tên và chữ ký*)

Phụ lục IX

DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN

*(Kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHCN ngày 30/11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Biểu A9-DMTC

**DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN THEO CHUYÊN NGÀNH
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
ĐỀ NGHỊ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN THỰC HIỆN
TRONG NĂM 200....**

*(Xếp thứ tự từ cao xuống thấp theo số phiếu đề nghị
và kết luận của Hội đồng)*

1. Tên Chương trình:

Mã số:

2. Chuyên ngành khoa học:

Danh mục Đề tài:

<i>TT</i>	<i>Tên Đề tài</i>	<i>Định hướng mục tiêu</i>	<i>Yêu cầu đối với sản phẩm</i>	<i>Phương thức, phương án tổ chức thực hiện</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1				
2				
3				

Danh mục Dự án SXTN:

<i>TT</i>	<i>Tên Dự án SXTN</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Sản phẩm dự kiến, các chỉ tiêu KT-KT cần đạt</i>	<i>Phương thức, phương án tổ chức thực hiện</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1				
2				

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục X

DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN

(Kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-BKH&CN ngày 30 /11/2006
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

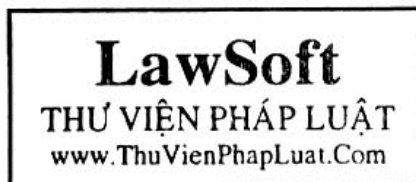
Biểu A10-THDMTC

**DANH MỤC TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ KH&CN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
ĐỂ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN THỰC HIỆN NĂM 200....
(Xếp thứ tự ưu tiên)**

Tên Chương trình:

Mã số:

1. Danh mục Đề tài:



<i>TT</i>	<i>Tên Đề tài</i>	<i>Định hướng mục tiêu</i>	<i>Yêu cầu đối với sản phẩm</i>	<i>Phương thức, phương án tổ chức thực hiện</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1				
2				
3				

2. Danh mục Dự án SXTN:

<i>TT</i>	<i>Tên Dự án SXTN</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Sản phẩm dự kiến, các chỉ tiêu KT-KT cần đạt</i>	<i>Phương thức, phương án tổ chức thực hiện</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1				
2				

Chủ nhiệm Chương trình
(Họ, tên và chữ ký)